

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1556/2022/DS-ST

Ngày: 06/5/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Cẩm Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Giàu
2. Bà Phan Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Nhật Phương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1583/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2145/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TT

Địa chỉ: Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, Quận 3, Thành phố H.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Minh X

Địa chỉ: khu phố 4, phường A, thành phố T, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Tại Chi nhánh B - Ngân hàng TT đã giải ngân cho Bà Nguyễn Thị Minh X vay vốn theo hợp đồng cho vay số LD1915800367 ký kết ngày 07/06/2019 và hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1928900377 ký kết ngày 16/10/2010. Chi tiết các Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết như sau:

1/ Hợp đồng số LD1915800367 ký kết ngày 07/06/2019 với nội dung như sau:

- Số tiền vay: 30.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn).
- Thời hạn thanh toán: 36 tháng.

- Hình thức thanh toán: trả dần theo chu kỳ hàng tháng gồm tiền vốn gốc và tiền lãi.
- Lãi suất: lãi suất 03 tháng đầu tiên: 21%. Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 04 kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến hết, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân 13 tháng VNĐ lãnh lãi cuối kỳ của số tiền bậc thang cao nhất của Sacombank tại thời điểm điều chỉnh cộng(+) biên độ 13%/năm và được Sacombank quyết định điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần phù hợp với Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay.

- Hạn cuối cùng thanh toán: 10/06/2022.

2/ Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1928900377 ký kết ngày 16/10/2010, với các nội dung như sau:

- Số tiền vay: 55.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu đồng chẵn*)
- Thời hạn thanh toán: 48 tháng
- Lãi suất: lãi suất 06 tháng đầu tiên: 18.5%. Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 07 kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến hết, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân 13 tháng VNĐ lãnh lãi cuối kỳ của số tiền bậc thang cao nhất của Sacombank tại thời điểm điều chỉnh cộng(+) biên độ 10.5%/năm và được Sacombank quyết định điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần phù hợp với Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay

- Hạn cuối thanh toán: 16/10/2023

Trong quá trình, Bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay đã ký với Ngân hàng TT. Mặc dù, S Ngân hàng TT đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc, đồng thời Sacombank cũng đã tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ nhưng Bà X vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ theo từng kỳ như cam kết.

Do đó, Ngân hàng TT khởi kiện vụ án, đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Minh X thanh toán các khoản nợ chưa trả cho Ngân hàng TT theo hợp đồng đã ký kết. Tổng số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 10/12/2021 là 64.923.000 đồng. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Minh X còn phải chịu tiền lãi phát sinh của hai khoản nợ trên đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ và các phụ lục, điều khoản hợp đồng đính kèm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh X vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

- người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu: Buộc Bà Nguyễn Thị Minh X phải trả ngay cho Ngân hàng TT toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 06/5/2022, cụ thể:

Đối với Hợp đồng số LD1915800367 ký kết ngày 07/06/2019: Vốn gốc: 15.006.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 4.958.777 đồng, nợ lãi quá hạn: 195.682 đồng. Tổng cộng: 20.160.459 đồng (*Hai mươi triệu một trăm sáu mươi ngàn bốn trăm năm mươi chín đồng*).

Đối với Hợp đồng kèm giấy nhận nợ số LD1928900377 ký kết ngày 16/10/2010: Vốn gốc: 38.956.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 10.082.681 đồng, nợ lãi phạt quá hạn: 519.275

đồng. Tổng cộng: 49.557.956 đồng (*Bốn mươi chín triệu năm trăm năm mươi bảy ngàn chín trăm năm mươi sáu đồng*).

Ngoài ra, buộc bà Nguyễn Thị Minh X phải trả tiền lãi phát sinh của hai khoản nợ trên theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ và các phụ lục kể từ ngày 07/5/2022 cho đến khi dứt nợ.

- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án đã vi phạm về thời hạn xét xử nhưng một phần do bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Bị đơn vi phạm nghiêm trọng các nội dung trong Hợp đồng số LD1915800367 ký kết ngày 07/06/2019 và Hợp đồng kiêm giấy nhận nợ số LD1928900377 ký kết ngày 16/10/2010 gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ngân hàng TT khởi kiện bà Nguyễn Thị Minh X yêu cầu thanh toán nợ vay theo Hợp đồng vay đã ký kết. Theo kết quả xác minh do Công an phường A, thành phố T thì bà Nguyễn Thị Minh X có nơi cư trú tại phường A, thành phố T nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về việc tham gia tố tụng của các đương sự:

- Nguyên đơn Ngân hàng TT có văn bản số 33/2021/GUQ-CNBT ngày 26/01/2021 uỷ quyền cho ông Nguyễn Mạnh T tham gia tố tụng, việc uỷ quyền này là hợp lệ nên chấp nhận. Tại phiên tòa ông T có mặt

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh X có nơi cư trú tại khu phố 4, phường A, thành phố T và Tòa án đã thực hiện tất cả các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bà X vẫn không

đến Tòa án theo giấy triệu tập. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong vụ án nguyên đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Minh X, yêu cầu cá nhân bà X thanh toán các khoản vay do cá nhân bà X ký vay và xác định chỉ yêu cầu cá nhân bà X trả nợ, nguyên đơn không xác định được chồng bà X là ai. Đồng thời nguyên đơn không yêu cầu chồng bà X cùng trả nợ. Do đó không có cơ sở mời chồng bà X tham gia tố tụng trong vụ án này.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện Ngân hàng TT có cho bà Nguyễn Thị Minh X vay tiền theo Hợp đồng cho vay số LD1915800367 ký kết ngày 07/06/2019 và Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1928900377 ký kết ngày 16/10/2010 với các thông tin chi tiết như sau:

- Đối với Hợp đồng cho vay số LD1915800367 ký kết ngày 07/06/2019, Ngân hàng TT đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Minh X số tiền vốn vay: 30.000.000 đồng; thời hạn thanh toán: 36 tháng; lãi suất: 03 tháng đầu tiên là 21%. Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 04 kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến hết, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân 13 tháng VNĐ lãnh lãi cuối kỳ của số tiền bậc thang cao nhất của Sacombank tại thời điểm điều chỉnh cộng(+) biên độ 13%/năm và được Sacombank quyết định điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần phù hợp với Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay; Hình thức thanh toán: trả dần theo chu kỳ hàng tháng gồm tiền vốn gốc và tiền lãi; Hạn cuối cùng thanh toán: 10/06/2022.

- Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1928900377 ký kết ngày 16/10/2010, Ngân hàng TT đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Minh X số tiền vốn vay: 55.000.000 đồng; Thời hạn thanh toán: 48 tháng; Lãi suất: 06 tháng đầu tiên là 18.5%. Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 07 kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến hết, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân 13 tháng VNĐ lãnh lãi cuối kỳ của số tiền bậc thang cao nhất của Sacombank tại thời điểm điều chỉnh cộng(+) biên độ 10.5%/năm và được Ngân hàng TT quyết định điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần phù hợp với Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay; hình thức thanh toán: trả dần theo chu kỳ hàng tháng gồm tiền vốn gốc và tiền lãi; Hạn cuối thanh toán: 16/10/2023.

Việc ký kết Hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, đảm bảo trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật dân sự nên các Hợp đồng vay giữa bà Nguyễn Thị Minh X và Ngân hàng TT là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật.

Mặc dù Ngân hàng TT đã nhắc nhở, yêu cầu thanh toán nhiều lần nhưng bà X không thực hiện nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 “*Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn*”.

Số tiền nợ theo Hợp đồng cho vay số LD1915800367 ký kết ngày 07/06/2019 chưa thanh toán tạm tính đến ngày 06/5/2022 là: Nợ vốn gốc: 15.006.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 4.958.777 đồng; nợ lãi quá hạn: 195.682 đồng. Tổng cộng: 20.160.459 đồng.

Số tiền nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1928900377 ký kết ngày 16/10/2010 chưa thanh toán tạm tính đến ngày 06/5/2022 là: Nợ vốn gốc: 38.956.000 đồng,

nợ lãi trong hạn: 10.082.681 đồng, nợ lãi phạt quá hạn: 519.275 đồng. Tổng cộng: 49.557.956 đồng.

Về tiền lãi: Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ lãi của các Hợp đồng tính dụng hai bên đã ký kết là có cơ sở nên chấp nhận.

Do đó, Ngân hàng TT yêu cầu bà Nguyễn Thị Minh X phải trả toàn bộ số tiền nợ của Hợp đồng cho vay số LD1915800367 ký kết ngày 07/06/2019 là 20.160.459 đồng và Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1928900377 ký kết ngày 16/10/2010 là 49.557.956 đồng. Tổng cộng số tiền bà Nguyễn Thị Minh X phải trả cho Ngân hàng TT là 69.718.415 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bà Nguyễn Thị Minh X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất (Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 11/01/2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2019).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Minh X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 69.718.415 đồng x 5% = 3.485.921 đồng.

Ngân hàng TT không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Ngân hàng TT tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273; Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TT.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Minh X có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TT tổng số tiền nợ là 69.718.415 đồng (Sáu mươi chín triệu bảy trăm mười tám ngàn bốn trăm mười lăm đồng); Trong đó nợ gốc là 53.962.000 đồng (Năm mươi ba triệu chín trăm sáu mươi

hai ngàn đồng), nợ lãi (tạm tính đến hết ngày 06/5/2022) là 15.756.415 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn bốn trăm mười lăm đồng); Trả ngay một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bà Nguyễn Thị Minh Xuân còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Minh X phải nộp án phí là 3.454.857 đồng (Ba triệu bốn trăm năm mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi bảy đồng) tại Chi cục Thi hành dân sự có thẩm quyền khi án có hiệu lực pháp luật.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.377.386 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn ba trăm tám mươi sáu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0047573 ngày 16/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

3. Về quyền kháng: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các trường hợp vắng mặt tại phiên tòa hoặc khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND TP.H
- Viện KSND TP.T
- Chi cục THADS TP.T
- Đương sự
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thái Thị Cẩm Hiền